CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Tầng 8, Tòa nhà số 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mẫu số: B01a-DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		71.277.108.397	71.326.922.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	68.542.850	118.356.646
1. Tiền	111		68.542.850	118.356.646
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		62.609.986.809	62.609.986.809
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2(a)		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2(b)	800.000.000	800.000.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		(2.602.413.191)	(2.602.413.191)
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		64.412.400.000	64.412.400.000
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		8.438.909.813	8.438.909.813
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3(a)		
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		509.076.333	509.076.333
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4(a)	8.033.744.480	8.033.744.480
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(103.911.000)	(103.911.000)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137	V.5		
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.7**		
1. Hàng tồn kho	141		5.541.627.090	5.541.627.090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(5.541.627.090)	(5.541.627.090)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**			
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	V.12.1.1		
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152	V.12.1.2		
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153			
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		159.668.925	159.668.925
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.14(a)	140.697.420	140.697.420
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.19(b)	18.971.505	18.971.505
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164	V.23		
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.15(a)		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		56.500.000.000	56.500.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu dài hạn khác	215			
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216			
II. Tài sản cố định	**220**			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9		
- Nguyên giá	222		13.766.170.000	13.766.170.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.766.170.000)	(13.766.170.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228		200.000.000	200.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(200.000.000)	(200.000.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	**230**			
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231			
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232	V.12.1.3		
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233	V.12.2		
- Nguyên giá	234			
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235			
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236			
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237			
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238			
IV. Bất động sản đầu tư	**240**	**V.13**		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
V. Tài sản dở dang dài hạn	**250**			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252			
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		56.500.000.000	56.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261		56.500.000.000	56.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265			
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266			
VII. Tài sản dài hạn khác	**270**			
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.14(b)		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.26(a)		

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273			
4. Tài sản dài hạn khác	274	V.15(b)		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		127.777.108.397	127.826.922.193
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		5.129.291.788	5.115.880.676
I. Nợ ngắn hạn	**310**		5.129.291.788	5.115.880.676
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17(a)	4.288.660.624	4.288.660.624
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.19(a)	116.303.838	102.892.726
5. Phải trả người lao động	315		564.469.758	564.469.758
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.20(a)		
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318			
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.22(a)		
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.21(a)	9.470.551	9.470.551
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16(a)		
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.25(a)		
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		150.387.017	150.387.017
14. Quỹ bình ổn giá	324			
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325	V.23		
II. Nợ dài hạn	**330**			
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.17(b)		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333	V.19(b)		
4. Chi phí phải trả dài hạn	334	V.20(b)		
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335			
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336			
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.22(b)		
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.21(b)		
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.16(b)		
10. Trái phiếu chuyển đổi	340			
11. Cổ phiếu ưu đãi	341	V.24		
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.26(b)		
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.25(b)		
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		122.647.816.609	122.711.041.517
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27(b)	168.150.000.000	168.150.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.27(d)	168.150.000.000	168.150.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	V.27(d)		
2. Thặng dư vốn	412	V.27(e)		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.27(e)		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2801330959
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-06 09:06:17-07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415	V.27(e)		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.28		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.29		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		451.161.049	451.161.049
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(45.953.344.440)	(45.890.119.532)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(45.890.119.532)	(63.025.563.351)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(63.224.908)	17.135.443.819
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		127.777.108.397	127.826.922.193

Phê duyệt, Ngày 22 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu	KẾ TOÁN	Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
NGÔ AN QUỐC	Ngô An Quốc	NGUYỄN ĐỨC CHI

M.S.D.N: 2801330959 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

Mẫu số: B02a-DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10					
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20					
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21	VI.4				
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	25.092	70.004.163	25.092	70.004.163
8. Chi phí tài chính	23	VI.6				
- Trong đó: Chi phí đi vay	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.9				
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	20.250.000	1.853.796.001	20.250.000	1.853.796.001
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 – (23 + 25 + 26)}	30		(20.224.908)	(1.783.791.838)	(20.224.908)	(1.783.791.838)
12. Thu nhập khác	31	VI.7				
13. Chi phí khác	32	VI.8	43.000.000	3.921.953	43.000.000	3.921.953
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(43.000.000)	(3.921.953)	(43.000.000)	(3.921.953)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(63.224.908)	(1.787.713.791)	(63.224.908)	(1.787.713.791)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		(63.224.908)	(1.787.713.791)	(63.224.908)	(1.787.713.791)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú: *(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần*

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2801330959
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-06 09:06:17+07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Phê duyệt, Ngày 22 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu	KẾ TOÁN	Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
NGÔ AN QUỐC	Ngô An Quốc	NGUYỄN ĐỨC CHI

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Mẫu số: B03a-DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		25.092	4.163
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02			(61.669.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			
4. Chi phí đi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(49.838.888)	(101.935.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		(49.813.796)	(163.600.748)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	V.8		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***			200.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		(49.813.796)	36.399.252
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		118.356.646	18.277.695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2801330959
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-06 09:06:17-07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	68.542.850	54.676.947

Phê duyệt, Ngày 22 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu	KẾ TOÁN	Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
NGÔ AN QUỐC	Ngô An Quốc	NGUYỄN ĐỨC CHI

M.S.D.N: 2801330959 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY ★ QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

30959 - C.T.C.P ★ IG TY PHẦN RAL LAXY ★ P HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Tầng 8, Tòa nhà số 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Form No.: B01-DN
(Issued according to Circular No.99/2025/TT-BTC Dated 27/10/2025 of the Ministry of Finance)

INTERIM FINANCIAL REPORT

(Full form)

Accounting period quarter 1, 2026

Unit: VND

Item	Code	Description	Closing quarter	Opening Balance
1	2	3	4	5
A. CURRENT ASSETS	**100**		71.277.108.397	71.326.922.193
I. Cash and cash equivalents	**110**	**V.1**	68.542.850	118.356.646
1. Cash	111		68.542.850	118.356.646
2. Cash equivalents	112			
II. Short-term financial investments	**120**		62.609.986.809	62.609.986.809
1. Trading securities	121	V.2(a)		
2. Provision for diminution in value of trading securities (*)	122			
3. Held-to-maturity investments	123	V.2(b)	800.000.000	800.000.000
4. Provision for diminution in value of short-term held-to-maturity investments (*)	124		(2.602.413.191)	(2.602.413.191)
5. Other short-term investments	125		64.412.400.000	64.412.400.000
6. Provision for losses on other short-term investments (*)	126			
III. Short-term receivables	**130**		8.438.909.813	8.438.909.813
1. Short-term receivables from customers	131	V.3(a)		
2. Short term pre-payment to suppliers	132		509.076.333	509.076.333
3. Short-term internal receivables	133			
4. Short-term Liabilities Arising from Contracts	134			
5. Other short-term receivables	135	V.4(a)	8.033.744.480	8.033.744.480
6. Short-term allowances for doubtful debts (*)	136		(103.911.000)	(103.911.000)
7. Shortage of assets awaiting resolution	137	V.5		
IV. Inventories	**140**	**V.7**		
1. Inventories	141		5.541.627.090	5.541.627.090
2. Provision for inventories (*)	142		(5.541.627.090)	(5.541.627.090)
V. Short-term biological assets	**150**			
1. Short-term bearer livestock	151	V.12.1.1		
2. Short-term bearer plants	152	V.12.1.2		
3. Provision for losses on short-term biological assets (*)	153			
VI. Other current assets	**160**		159.668.925	159.668.925
1. Short-term prepaid expenses	161	V.14(a)	140.697.420	140.697.420
2. VAT receivable	162			
3. Taxes receivable from State Treasury	163	V.19(b)	18.971.505	18.971.505
4. Treasury bonds purchased for resale	164	V.23		
5. Other current assets	165	V.15(a)		
B. LONG-TERM ASSETS	**200**		56.500.000.000	56.500.000.000
I. Long-term receivables	**210**			

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
OID.0.9.2342.19200300.100.1.11=MST:2802328998
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=Locality=Date: 2026.04.09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Item	Code	Description	Closing quarter	Opening Balance
1	2	3	4	5
1. Long-term receivables from customers	211			
2. Long-term pre-payment to suppliers	212			
4. Investments in equity of subsidiaries	213			
5. Long-term internal receivables	214			
6. Other long-term receivables	215			
7. Provision for long-term doubtful debts (*)	216			
II. Fixed assets	**220**			
1. Tangible fixed assets	221	V.9		
- Historical costs	222		13.766.170.000	13.766.170.000
- Accumulated depreciation (*)	223		(13.766.170.000)	(13.766.170.000)
2. Financial leasing fixed assets	224	V.11		
- Historical costs	225			
- Accumulated depreciation (*)	226			
3. Intangible fixed assets	227	V.10		
- Historical costs	228		200.000.000	200.000.000
- Accumulated depreciation (*)	229		(200.000.000)	(200.000.000)
III. Long-term biological assets	**230**			
1. Bearer livestock for periodic products	231			
a) Immature bearer livestock for periodic products	232	V.12.1.3		
b) Mature bearer livestock for periodic products	233	V.12.2		
- Historical costs	234			
- Accumulated depreciation (*)	235			
2. Long-term consumable biological assets - livestock	236			
3. Long-term bearer plants	237			
4. Provision for losses on long-term biological assets (*)	238			
IV. Investment property	**240**	V.13		
- Historical costs	241			
- Accumulated depreciation (*)	242			
V. Long-term work in progress	**250**			
1. Long-term production and business work in progress	251			
2. Construction in progress	252			
VI. Long-term financial investments	**260**		56.500.000.000	56.500.000.000
1. Investments in subsidiaries	261		56.500.000.000	56.500.000.000
2. Investments in joint ventures and associates	262			
3. Equity investments in other entities	263			
4. Provision for losses on long-term investments in other entities (*)	264			
5. Long-term held-to-maturity investments	265			
6. Provision for diminution in value of long-term held-to-maturity investments (*)	266			
VII. Other long-term assets	**270**			
1. Long-term prepaid expenses	271	V.14(b)		
2. Deferred tax assets	272	V.26(a)		

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2802320968
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.05 09:06:17+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Item	Code	Description	Closing quarter	Opening Balance
1	2	3	4	5
3. Long-term spare parts and standby equipment	273			
4. Other long-term assets	274	V.15(b)		
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	**280**		127.777.108.397	127.826.922.193
C - LIABILITIES	**300**		5.129.291.788	5.115.880.676
I. Short-term liabilities	**310**		5.129.291.788	5.115.880.676
1. Short-term trade payables	311	V.17(a)	4.288.660.624	4.288.660.624
2. Advances from customers (short-term)	312			
3. Dividends and profit payable	313			
4. Short-term taxes and amounts payable to state budget	314	V.19(a)	116.303.838	102.892.726
5. Payables to employees	315		564.469.758	564.469.758
6. Short-term accrued expenses	316	V.20(a)		
7. Short-term inter-company payables	317			
8. Short-term payables from construction contracts	318			
9. Short-term unearned revenue	319	V.22(a)		
10. Other short-term payables	320	V.21(a)	9.470.551	9.470.551
11. Short-term borrowings and finance lease liabilities	321	V.16(a)		
12. Short-term provisions	322	V.25(a)		
13. Bonus and welfare fund	323		150.387.017	150.387.017
14. Price stabilization fund	324			
15. Government bond repurchase agreements	325	V.23		
II. Long-term liabilities	**330**			
1. Long-term trade payables	331	V.17(b)		
2. Long-term advances from customers	332			
3. Long-term taxes and amounts payable to state budget	333	V.19(b)		
4. Long-term accrued expenses	334	V.20(b)		
5. Inter-company payables for operating capital	335			
6. Long-term inter-company payables	336			
7. Long-term unearned revenue	337	V.22(b)		
8. Other long-term payables	338	V.21(b)		
9. Long-term borrowings and finance lease liabilities	339	V.16(b)		
10. Convertible bonds	340			
11. Preferred shares	341	V.24		
12. Deferred tax liabilities	342	V.26(b)		
13. Long-term provisions	343	V.25(b)		
14. Science and technology development fund	344			
D - EQUITY	**400**		122.647.816.609	122.711.041.517
1. Owner's contributed capital	411	V.27(b)	168.150.000.000	168.150.000.000
- Ordinary shares with voting rights	411a	V.27(d)	168.150.000.000	168.150.000.000
- Preferred shares	411b	V.27(d)		
2. Share premium	412	V.27(e)		
3. Conversion options on convertible bonds	413	V.27(e)		
4. Other owner's equity	414			

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-06 09:06:17-07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Item	Code	Description	Closing quarter	Opening Balance
1	2	3	4	5
5. Treasury shares (*)	415	V.27(e)		
6. Asset revaluation surplus	416	V.28		
7. Foreign exchange differences	417	V.29		
8. Investment and development fund	418		451.161.049	451.161.049
9. Other funds under owner's equity	419			
10. Undistributed earnings after tax	420		(45.953.344.440)	(45.890.119.532)
- Accumulated undistributed earnings to end of prior period	420a		(45.890.119.532)	(63.025.563.351)
- Undistributed earnings of current period	420b		(63.224.908)	17.135.443.819
TOTAL EQUITY (440 = 300 + 400)	440		127.777.108.397	127.826.922.193

Approve on, April 22, 2026

Prepared by	Chief Accountant	Legal Representative
(Sign, full name)	*(Sign, full name)*	*(Signature, seal)*
NGÔ AN QUỐC	Ngô An Quốc	NGUYỄN ĐỨC CHI

Accounting certificate number:

Accounting agent:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2801330968
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.06 09:06:17+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Form No.: B02a-DN

(Issued according to Circular No.99/2025/TT-BTC Dated 27/10/2025 of the Ministry of Finance)

MID-YEAR BUSINESS PERFORMANCE REPORT

(Full form)

Accounting period quarter 1 year 2026

Unit: VND

Item	Code	Notes	Quarter 1		Accum from the begin of year to the end of this quarter	
			This year	Last year	This year	Last year
1	2	3	4	5	6	7
1. Revenue from sales of goods and provision of services	01	VI.1				
2. Revenue deductions	02	VI.2				
3. Net revenue (10 = 01 - 02)	10					
4. Cost of goods sold	11	VI.3				
5. Gross profit (20 = 10 - 11)	20					
6. Gain/loss from sale and disposal of investment property	21	VI.4				
7. Financial income	22	VI.5	25.092	70.004.163	25.092	70.004.163
8. Financial activities expenses	23	VI.6				
- In which: Interest expense	24					
9. Selling expenses	25	VI.9				
10. General & administration expenses	26	VI.9	20.250.000	1.853.796.001	20.250.000	1.853.796.001
11. Net operating profit {30 = 20 + 21 + 22 – (23 + 25 + 26)}	30		(20.224.908)	(1.783.791.838)	(20.224.908)	(1.783.791.838)
12. Other income	31	VI.7				
13. Other expenses	32	VI.8	43.000.000	3.921.953	43.000.000	3.921.953
14. Other profit (40 = 31 - 32)	40		(43.000.000)	(3.921.953)	(43.000.000)	(3.921.953)
15. Total earning before tax (for accounting purpose) (50 = 30 + 40)	50		(63.224.908)	(1.787.713.791)	(63.224.908)	(1.787.713.791)
16. Business income tax charge	51	VI.11				
17. Deferred business income tax charge	52	VI.11				
18. Earning after tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		(63.224.908)	(1.787.713.791)	(63.224.908)	(1.787.713.791)
19. Earnings per share (*)	70					
20. Diluted earning per share (*)	71					

Note: *(*) This item is only applied to joint stock company*

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
OID.0.9.2342.19200300.100.1.11=MST:2801330959
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17+07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Prepared by	Chief Accountant	Approve, April 22, 2026 Legal Representative
(Sign, full name)	*(Sign, full name)*	*(Signature, seal)*
NGÔ AN QUỐC	Ngô An Quốc	NGUYỄN ĐỨC CHI

Accounting certificate number:

Accounting agent:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

Form No.: B03a-DN

(Issued according to Circular No.99/2025/TT-BTC Dated 27/10/2025 of the Ministry of Finance)

CASH FLOW STATEMENT MID-YEAR

(Full form)

(Direct Method)

Accounting period quarter 1 year 2026

Unit: VND

Item	Code	Notes	Accum from the begin of year to the end of this quarter	
			This year	Last year
1	2	3	4	5
I. Cash flow from operating activities				
1. Receipts from sales of goods and provision of services	01		25.092	4.163
2. Payments to suppliers	02			(61.669.000)
3. Payments to employees	03			
4. Borrowing costs paid	04			
5. Company income tax paid	05			
6. Other receipts from operating activities	06			
7. Other payments for operating activities	07		(49.838.888)	(101.935.911)
Net Cash flows from operating activities	***20***		(49.813.796)	(163.600.748)
II. Cash flows from investing activities				
1. Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21	V.8		
2. Collections on disposals of fixed assets and other long-term assets	22			
3. Granting loans, buying debt instruments of other entities	23			
4. Recovery of loan given and disposals of debt instruments of other entities	24			
5. Investments in equity of other entities	25			
6. Withdrawals of investments in other entities	26			200.000.000
7. Interests, dividends and profits distributed	27			
Net cash flows from investing activities	***30***			200.000.000
III. Cash flows from financing activities				
1. Collection on share issuance and capital contributions from shareholders	31			
2. Returning Owner's capital in cash and Purchasing Treasury Stocks	32			
3. Receipts from borrowings	33			
4. Payments to settle loan principals	34			
5. Payments to settle financial lease principals	35			
6. Dividends, profits distributed	36			
Net cash flows from financial activities	***40***			
Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		(49.813.796)	36.399.252
Cash and cash equivalent at the beginning of the year	**60**		118.356.646	18.277.695

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2801330959
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Item	Code	Notes	Accum from the begin of year to the end of this quarter	
			This year	Last year
1	2	3	4	5
Currency translation differences	61			
Cash and cash equivalent at the end of the year (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	68.542.850	54.676.947

Approve on, April 22, 2026

Prepared by	Chief Accountant	Legal Representative
(Sign, full name)	*(Sign, full name)*	*(Signature, seal)*
NGÔ AN QUỐC	Ngô An Quốc	NGUYỄN ĐỨC CHI

M.S.D.N: 2801330959 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Accounting certificate number:

Accounting agent:

959 - C.T.C.P
TY
ẦN
AL
XY
Ồ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Tầng 8, Tòa nhà số 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mẫu số: B09-DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Kỳ kế toán quý 1 năm 2026

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần Spiral Galaxy (sau đây gọi là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801330959, được cấp lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09 tháng 10 năm 2023 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15, vốn điều lệ của Công ty là 168.150.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 8, Tòa nhà số 34A đường Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Spiral Galaxy Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") is a joint stock company operating under the initial Business Registration Certificate No. 2801330959 dated April 13, 2009, amended for the 15th time on October 9, 2023, issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. According to the 15th amended Business Registration Certificate, the charter capital of the Company is VND 168,150,000,000. The Company's head office is located at: 8th Floor, Building No. 34A Pham Ngoc Thach Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

2. Lĩnh vực kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2801320968
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.06 09:06:17+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

3. Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao - chi tiết: sản xuất vôi; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét - chi tiết: sản xuất gạch; Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt - chi tiết: khai thác và chế biến các loại khoáng sản (trừ quặng uranium, quặng thorium, quặng sắt, crom và khoáng sản Nhà nước cấm); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác - chi tiết: dịch vụ khoan nô min;
Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ - chi tiết: sản xuất phân lân hữu cơ sinh học; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - chi tiêt:
bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than non;
Trồng rừng và chăm sóc rừng; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn ô tô và xe có dộng cơ khác; Xây dựng nhà các loại; Đại lý, môi giới, đầu giá; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điêu hòa không khí; Xây dựng công trình các loại; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, đại lý du lịch; Hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; Bán buôn đô dùng gia đình; Bán buồn vật liêu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Hoạt động thiết kế chuyên dụng- chi tiêt Hoạt động trang tri nội ngoại thất.
Mining of stone, sand, gravel, and clay; Installation of electrical systems; Maintenance and repair of automobiles and other motor vehicles; Manufacture of cement, lime, and plaster – specifically: lime production; Cutting, shaping, and finishing of stone; Manufacture of construction materials from clay – specifically: brick production; Site preparation; Mining of non-ferrous metal ores – specifically: mining and processing of minerals (excluding uranium ore, thorium ore, iron ore, chromium ore, and minerals prohibited by the State); Construction of railways and roads; Mining and collection of hard coal; Support activities for mining and quarrying – specifically: drilling and blasting services;

Manufacture of fertilizers and nitrogen compounds – specifically: production of organic phosphate fertilizers; Construction of other civil engineering projects – specifically: construction of irrigation works; Sale of motor vehicle parts and accessories; Retail sale of other new goods in specialized stores – specifically: retail sale of automobiles and other motor vehicles; Road freight transport; Mining and collection of lignite;

Forestry and forest care activities; Inland waterway freight transport; Wholesale of automobiles and other motor vehicles; Construction of residential and non-residential buildings; Agency, brokerage, and auction activities; Installation of water supply, drainage, heating, and air-conditioning systems; Construction of various types of engineering works; Real estate business; Accommodation, food and beverage services, and travel agency services; Sports and recreational activities; Wholesale of household goods; Wholesale of construction materials and installation equipment; Specialized design activities – specifically: interior and exterior decoration design services.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng
12 months
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách các công ty con: Công ty TNHH MTV Môi trường Quốc Bảo; Công ty cổ phần Luux Interior Quoc Bao Environment One Member Limited Liability Company; Luux Interior Joint Stock Company
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

- Danh sách các đơn vị trực thuộc:

7. Số lượng người lao động tại thời điểm cuối niên độ hoặc số lượng người lao động bình quân trong niên độ

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính: Trường hợp Báo cáo tài chính nếu không so sánh được phải thuyết minh rõ và giải trình lý do về sự không so sánh được giữa thông tin của kỳ báo cáo và thông tin kỳ so sánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính của doanh nghiệp
9. Thuyết minh các thông tin khác trên Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật có liên quan như pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán,…

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
From January 1 to December 31
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Trường hợp có sự thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán so với năm trước, giải trình rõ lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính
The Company adopts the accounting regime for enterprises promulgated under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025, of the Minister of Finance
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành
The Company has adopted the Vietnamese Accounting Standards and the guidance documents issued by the State for the implementation of such standards. The financial statements have been prepared and presented in full compliance with all requirements of the relevant accounting standards, implementing circulars, and the prevailing accounting regime

IV. Các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam:
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
Transactions arising in foreign currencies are translated at the exchange rates prevailing on the transaction dates. Monetary items denominated in foreign currencies outstanding at the end of the accounting period are translated at the exchange rates prevailing on such date. Exchange differences arising from the translation are recognized in the Statement of Profit or Loss.
- Tỷ giá hối đoái lựa chọn áp dụng khi kế toán chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;
- Tỷ giá giao dịch tính chéo đối với trường hợp ngân hàng không công bố tỷ giá giao dịch của đồng ngoại tệ;
- Giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước công bố hay giá mua tham chiếu của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định để sử dụng khi đánh giá lại vàng tiền tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền:
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits, and short-term investments that are highly liquid, readily convertible into known amounts of cash, and subject to an insignificant risk of changes in value
5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:
a) Chứng khoán kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.
Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has both the intention and the ability to hold until maturity. Held-to-maturity investments include term deposits with banks (including treasury bills and promissory notes), bonds, preferred shares that the issuer is required to redeem at a specified date in the future, loans held to maturity for the purpose of earning periodic interest, and other held-to-maturity investments.

Held-to-maturity investments are recognized from the acquisition date and are initially measured at cost, including the purchase price and transaction costs directly attributable to the acquisition. Interest income earned from held-to-maturity investments after the acquisition date is recognized in the Statement of Profit or Loss on an accrual basis. Interest accrued before the Company obtains ownership of the investment is deducted from the original cost at the acquisition date.

Held-to-maturity investments are subsequently measured at cost less any allowance for doubtful debts.

Allowances for doubtful debts relating to held-to-maturity investments are recognized in accordance with the prevailing accounting regulations

c) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết:

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

đ) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu
Doanh nghiệp phải thuyết minh các chính sách kế toán liên quan đến các khoản nợ phải thu và cơ sở ước tính quan trọng được sử dụng trong chính sách về dự phòng phải thu khó đòi Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Receivables represent amounts recoverable from customers and other parties. Receivables are presented at their carrying amounts less allowances for doubtful debts.

Allowances for doubtful debts are made for receivables that are overdue for six months or more, or for receivables from debtors who are unlikely to fulfill their payment obligations due to liquidation, bankruptcy, or similar financial difficulties.

7. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại [đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho]. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value. The cost of inventories includes direct material costs, direct labor costs, and production overheads, if any, incurred in bringing the inventories to their present location and condition. For trading enterprises, the cost of inventories includes purchase costs and other costs directly attributable to the acquisition of inventories.

The cost of inventories is determined using the weighted average method (or the first-in, first-out method, specific identification method, or retail method in the case of merchandise inventories).

Net realizable value is determined as the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale, including marketing, selling, and distribution expenses.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân cuối kỳ

Weighted average cost method at the end of the accounting period

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

- Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán

The Company's allowance for inventory write-down is recognized in accordance with the prevailing accounting regulations. Accordingly, the Company is permitted to make provisions for obsolete, damaged, or deteriorated inventories, as well as in cases where the cost of inventories exceeds their net realizable value as of the end of the accounting period.

- Tiêu thức phân bổ nguyên liệu, vật liệu;

- Chính sách kế toán liên quan đến hàng tồn kho đối với những hợp đồng có rủi ro lớn

8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình (bao gồm cả cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ, súc vật làm việc), TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Property, plant and equipment are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of property, plant and equipment comprises the purchase price and all other costs directly attributable to bringing the assets to a condition ready for their intended use.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.
Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp - Chi phí nghiên cứu và phát triển
Chi phí cho hoạt động nghiên cứu được ghi nhận là chi phí của năm tài chính (kỳ hoạt động) thực tế phát sinh chi phí đó.
Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp phát sinh từ giai đoạn phát triển chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
• Tài sản được tạo ra có thể xác định được (ví dụ như phần mềm máy vi tính và các quy trình sản xuất mới);
• Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó
• Chi phí phát triển tài sản có thể xác định được một cách tin cậy.
Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không thể ghi nhận được tài sản vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp, chi phí nghiên cứu phát triển được hạch toán vào khoản lãi hoặc lỗ trong năm tài chính (kỳ hoạt động) phát sinh chi phí đó.
Bằng sáng chế và thương hiệu: Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Land use rights: Intangible assets representing land use rights are stated at cost less accumulated amortization. Land use rights are amortized using the straight-line method over the period of land use.

Internally generated intangible assets – Research and development costs

Research costs are recognized as expenses in the financial year (or operating period) in which they are incurred.

Internally generated intangible assets arising from the development phase are recognized only when all of the following conditions are satisfied:

The asset created is identifiable (for example, computer software and new production processes);
It is probable that the asset will generate future economic benefits; and
The costs attributable to the development of the asset can be measured reliably.

Internally generated intangible assets are amortized using the straight-line method over their estimated useful lives. Where an internally generated intangible asset cannot be recognized, research and development costs are recognized in profit or loss in the financial year (or operating period) in which such costs are incurred.

Patents and trademarks: Patents and trademarks are initially recognized at cost and amortized using the straight-line method over their estimated useful lives.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0303350968
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.06 09:06:17+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.
Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng X năm.
Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Investment properties comprise land use rights, factories, and buildings held by the Company for the purpose of earning rental income or for capital appreciation. Investment properties held for lease are stated at cost less accumulated depreciation, while investment properties held for capital appreciation are stated at cost less impairment losses.

The cost of purchased investment properties includes the purchase price and directly attributable costs, such as legal advisory fees, registration fees, and other related transaction costs. The cost of self-constructed investment properties comprises the final construction settlement value or other costs directly attributable to the investment properties.

Investment properties held for lease are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives of X years.

The Company does not depreciate investment properties held for capital appreciation purposes.

9. Nguyên tắc kế toán tài sản sinh học

- Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ
- Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần
- Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần

10. Nguyên tắc kế toán các loại hợp đồng hợp tác kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

11. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ: Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí chờ phân bổ khác [Cho mục đích minh họa, sửa phù hợp với từng doanh nghiệp].
Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. (Nếu Công ty có Chứng nhận quyền sử dụng đất, có thể hạch toán khoản này là tài sản cố định vô hình).
Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.
Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

Prepaid expenses comprise actual expenses incurred that relate to the operating results of multiple accounting periods. Prepaid expenses include prepaid land rental, establishment costs, and other prepaid expenses [for illustrative purposes only and subject to amendment to suit the Company's circumstances].

Prepaid land rental represents land lease payments made in advance. Such prepaid land rental is amortized to the Statement of Profit or Loss on a straight-line basis over the lease term. (If the Company holds a Land Use Rights Certificate, this amount may be recognized as an intangible asset.)

Establishment costs comprise expenses incurred during the incorporation process prior to the issuance of the Investment Registration Certificate and are assessed as being capable of generating future economic benefits for the Company. These costs are amortized to the Statement of Profit or Loss on a straight-line basis over a period of three years from the date the Company officially commences operations.

Other prepaid expenses include the value of tools, equipment, and small spare parts that have been put into use, as well as advertising and training expenses incurred before the Company officially commences operations and are considered capable of generating future economic benefits for the Company. These costs are capitalized as prepaid expenses and amortized to the Statement of Profit or Loss on a straight-line basis in accordance with the prevailing accounting regulations.

12. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán:

13. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận:

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ:

16. Nguyên tắc kế toán các khoản dự phòng phải trả: Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Provisions are recognized when the Company has a present obligation arising from a past event and it is probable that an outflow of economic resources will be required to settle such obligation. Provisions are measured based on the Management's best estimate of the expenditures required to settle the obligation as of the end of the reporting period.

17. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

18. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính:

19. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

20. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi:

21. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Revenue from the sale of goods is recognized when all of the following five (5) conditions are satisfied:

(a) The Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards associated with ownership of the products or goods;

(b) The Company no longer retains managerial involvement to the degree usually associated with ownership, nor effective control over the goods sold;

(c) The amount of revenue can be measured reliably;

(d) It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and

(e) The costs incurred or to be incurred in respect of the sales transaction can be measured reliably.

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Revenue from the rendering of services is recognized when the outcome of the transaction can be measured reliably. Where a service transaction relates to more than one accounting period, revenue is recognized in each period based on the stage of completion of the transaction at the balance sheet date of that period. The outcome of a service transaction can be measured reliably when all of the following four (4) conditions are satisfied:

(a) The amount of revenue can be measured reliably;

(b) It is probable that the economic benefits associated with the service transaction will flow to the Company;

(c) The stage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and

(d) The costs incurred for the transaction and the costs to complete the service transaction can be measured reliably.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

+ Doanh thu hợp đồng xây dựng: Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Revenue from construction contracts is recognized in accordance with the Company's accounting policies for construction contracts.

Where the outcome of a construction contract can be estimated reliably, contract revenue and contract costs are recognized by reference to the stage of completion of the contract at the end of the accounting period. The stage of completion is determined based on the percentage of costs incurred for work performed up to the end of the accounting period compared with the total estimated contract costs, except where such costs are not representative of the actual work completed. Such costs may include additional costs, claims, and incentive payments as agreed with the customer.

Where the outcome of a construction contract cannot be estimated reliably, revenue is recognized only to the extent of contract costs incurred that are probable of recovery.

+ Doanh thu bán bất động sản là các căn hộ du lịch, văn phòng kết hợp lưu trú hoặc sản phẩm tương tự.

+ Doanh thu bán BĐSĐT.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

Interest income from bank deposits is recognized on an accrual basis and is determined based on the outstanding balances of deposit accounts and the applicable interest rates (if any and if such interest income is considered material).
Income from investments is recognized when the Company becomes entitled to receive such income (if any and if such investment income is considered material).

- Thu nhập khác:

23. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

24. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

25. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

26. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

27. Nguyên tắc kế toán bán, thanh lý TSCĐ, bất động sản đầu tư:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

28. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (bao gồm cả chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu), chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: - Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.
- Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.
- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.
- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Corporate income tax comprises the aggregate amount of current tax and deferred tax.
Current tax is calculated based on taxable income for the year. Taxable income differs from profit before tax as reported in the Statement of Profit or Loss because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods (including tax losses carried forward, if any) and items that are never taxable or deductible.
Deferred tax is recognized on temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and their corresponding tax bases, using the balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences, while deferred tax assets are recognized only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the deductible temporary differences can be utilized.
Deferred tax is measured using the tax rates expected to apply in the period in which the asset is realized or the liability is settled. Deferred tax is recognized in the Statement of Profit or Loss, except when it relates to items recognized directly in equity, in which case the related tax is also recognized directly in equity.
Deferred tax assets and deferred tax liabilities are offset when the Company has a legally enforceable right to offset current tax assets against current tax liabilities and when the deferred tax assets and deferred tax liabilities relate to corporate income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.
The determination of the Company's corporate income tax is based on the prevailing tax regulations. However, these regulations are subject to change from time to time, and the final determination of corporate income tax liabilities is subject to examination by the competent tax authorities.

29. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng	Cuối quý	Đầu năm
- Tiền mặt	5.331.372	5.331.372
- Tiền gửi không kỳ hạn	63.211.478	113.025.274
+ 1019391233 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	1.456.112	1.455.016
+ 1559956789999 - Ngân hàng TMCP Quân đội	51.701.041	101.516.181

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

+ 511568 - Ngân hàng TMCP Á Châu	10.054.325	10.054.077
- Tiền đang chuyển		
- Tương đương tiền		
Cộng	68.542.850	118.356.646

- Thuyết minh chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn theo từng ngân hàng chiếm từ 10% trên tổng số dư của tiền gửi không kỳ hạn;
- Thuyết minh chi tiết về nội dung, kỳ hạn, số dư của từng khoản được phân loại là tương đương tiền của doanh nghiệp (chi tiết từng loại chiếm từ 10% trên tổng giá trị tương đương tiền).

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chỉ tiêu	Cuối quý			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu (chi tiết từng loại cổ phiếu chiếm từ 10% trên tổng giá trị cổ phiếu trở lên)						
- Tổng giá trị trái phiếu (tương tự cổ phiếu)						
- Các khoản đầu tư khác						
Cộng						

- Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu

+ Về số lượng:

+ Về giá trị:

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý đối với chứng khoán kinh doanh

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	Cuối quý			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Ngắn hạn						
+ Tiền gửi có kỳ hạn (chi tiết từng khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn chiếm từ 10% trên tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn trở lên)						
+ Trái phiếu (chi tiết từng khoản đầu tư trái phiếu ngắn hạn chiếm từ 10% trên tổng giá trị khoản đầu tư trái phiếu ngắn hạn trở lên)						
+ Cho vay (chi tiết từng khoản cho vay ngắn hạn chiếm từ 10% trên tổng giá trị khoản cho vay ngắn hạn trở lên)	800.000.000			800.000.000		
+ Các khoản đầu tư khác						
- Dài hạn (tương tự ngắn hạn)						
+ Tiền gửi có kỳ hạn						
+ Trái phiếu						
+ Cho vay						

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

+ Các khoản đầu tư khác						
Cộng	800.000.000			800.000.000		

- Thuyết minh về lãi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhưng không có khả năng thu hồi nên doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu.

- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (chi tiết theo từng khoản đầu tư theo tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết)

Chỉ tiêu	Cuối quý			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Đầu tư vào công ty con	56.500.000.000			56.500.000.000		
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;						
- Đầu tư vào đơn vị khác; + Trong đó: Đầu tư vào hợp đồng BCC mà doanh nghiệp không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng BCC	64.412.400.000		2.602.413.191	64.412.400.000		2.602.413.191
Cộng	120.912.400.000		2.602.413.191	120.912.400.000		2.602.413.191

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, tình trạng của các hợp đồng BCC trong kỳ.

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết và BCC trong kỳ.

- Trường hợp không xác định được giá trị hợp lý hoặc giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư thì giải trình rõ lý do.

- Căn cứ xác định giá trị TSCĐ vô hình như quyền sở hữu trí tuệ,... khi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

3. Phải thu của khách hàng

Chỉ tiêu	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
- Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng				
- Các khoản phải thu khách hàng khác				
b) Phải thu của khách hàng dài hạn				
- Chi tiết các khoản phải thu dài hạn của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu dài hạn của khách hàng				
- Các khoản phải thu khách hàng khác				
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)				
Cộng				

- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4. Phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Chỉ tiêu	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;				
- Phải thu của người lao động;				
- Ký cược, ký quỹ	8.000.000.000		8.000.000.000	
- Cho mượn tài sản phi tiền tệ;				
- Các khoản chi hộ;				
- Phải thu khác.	33.744.480		33.744.480	
b) Dài hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;				
- Phải thu của người lao động;				
- Ký cược, ký quỹ				
- Cho mượn tài sản phi tiền tệ;				
- Các khoản chi hộ;				
- Phải thu khác.				
c) Phải thu từ hợp đồng BCC mà doanh nghiệp đồng kiểm soát				
Cộng				

- Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết về bản chất, nội dung, giá trị, thời gian tạm ứng, thời gian hoàn ứng, thời gian dự kiến thu hồi, thời gian thu hồi bị quá hạn (nếu có)... và các thông tin khác có liên quan đến các khoản tiền, tài sản mà doanh nghiệp giao cho các cá nhân, bộ phận trong doanh nghiệp mang đi đặt cọc, ký quỹ, ký cược dưới hình thức là khoản tạm ứng hoặc các khoản phải thu khác chiếm từ 10% trở lên trên tổng các khoản phải thu khác. Trường hợp giữa các bên có thỏa thuận là bên nhận tiền, tài sản phải trả lại cho doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết về lãi suất, thời gian trả lãi, hình thức trả lãi,… và căn cứ vào bản chất thay vì tên gọi của giao dịch để ghi nhận và hạch toán cho phù hợp.
- Thuyết minh thông tin về hợp đồng BCC chiếm từ 10% trở lên trên tổng giá trị các hợp đồng BCC của doanh nghiệp/có ảnh hưởng trọng yếu:
+ Số hiệu/Tên của hợp đồng BCC.
+ Bản chất hoạt động của hợp đồng BCC (mô tả bản chất mối quan hệ của các bên tham gia, các điều khoản, điều kiện của hợp đồng BCC, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến hợp đồng BCC,...)
+ Tình trạng và tiến độ thực hiện của hợp đồng BCC.
+ Các thông tin cần thiết khác như căn cứ đánh giá lại giá trị tài sản đồng kiểm soát được chia từ hợp đồng BCC (nếu có),...

5. Tài sản thiếu chờ xử lý (Chi tiết từng loại tài sản thiếu)

Chỉ tiêu	Cuối quý		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền;				
b) Hàng tồn kho;				
c) TSCĐ;				
d) Tài sản khác.				
Cộng				

Doanh nghiệp phải thuyết minh rõ thêm về thời hạn doanh nghiệp sẽ xác định rõ được nguyên nhân của từng loại tài sản thiếu chờ xử lý, kết quả xử lý tài sản thiếu chờ xử lý trên Báo cáo tình hình tài chính kỳ trước (đã được xử lý trong kỳ và chưa được xử lý trong kỳ này), lý do tài sản thiếu chờ xử lý đã được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính kỳ trước nhưng chưa được xử lý trong kỳ này,…

6. Nợ xấu

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason:
OID.1.2.840.113549.1.9.16.2.47: MST:2900339568
I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Chỉ tiêu	Cuối quý			Đầu năm		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (trong đó chi tiết thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng nếu khoản nợ phải thu theo từng đối tượng đó chiếm từ 10% trở lên trên tổng số nợ quá hạn)						
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn.						
Cộng						

- Thuyết minh về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ phải thu nhưng không có khả năng thu hồi nên doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu

7. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu				
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Sản phẩm				
- Hàng hóa	5.541.627.090		5.541.627.090	
- Hàng gửi đi bán				
- Nguyên liệu, vật tư tại kho bảo thuế				
Cộng	5.541.627.090		5.541.627.090	

- Tiêu thức phân bổ nguyên liệu, vật liệu
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật,... không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật,...:
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ;
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

8. Tài sản dở dang dài hạn

Chỉ tiêu	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (Chi tiết cho từng loại, nêu lí do vì sao quá trình sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn một cách bất thường)				
.....				
Cộng				
b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XDCB)				
- Mua sắm;				

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2802120968
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.05 09:06:17+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

- XDCB;				
- Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ;				
- Nâng cấp cải tạo TSCĐ				
Cộng				

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ	Kết cấu hạ tầng do NN ĐTXD...	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá								
Số dư đầu năm	7.845.211.636	4.958.000.000	698.342.000	264.616.364				13.766.170.000
- Mua trong năm								
- Đầu tư XDCB hoàn thành								
- Tăng khác								
- Chuyển sang bất động sản đầu tư								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm	7.845.211.636	4.958.000.000	698.342.000	264.616.364				13.766.170.000
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm								13.766.170.000
- Khấu hao trong năm								
- Tăng khác								
- Chuyển sang bất động sản đầu tư								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm								13.766.170.000
Giá trị còn lại								
- Tại ngày đầu năm								
- Tại ngày cuối năm								

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản cho vay:
- Thuyết minh về cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và súc vật làm việc (nếu có);
- Thuyết minh chi tiết danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu và đã thanh lý/nhượng bán/chuyển nhượng trong kỳ có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên;
- TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
- TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.11=MST:3902333656
I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17+07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền tác giả	Quyền sở hữu công nghiệp	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá								
Số dư đầu năm							200.000.000	200.000.000
- Mua trong năm								
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp								
- Tăng do hợp nhất kinh doanh								
- Tăng khác								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm							200.000.000	200.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm								200.000.000
- Khấu hao trong năm								
- Tăng khác								
- Thanh lý nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm								200.000.000
Giá trị còn lại								
- Tại ngày đầu năm								
- Tại ngày cuối năm								

- Thuyết minh chi tiết danh mục các TSCĐ vô hình đang hiện hữu và đã thanh lý/nhượng bán/chuyển nhượng trong kỳ có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

- TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;

- Thay đổi phương pháp khấu hao;

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm							
- Thuê tài chính trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							
- Khấu hao trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm							
- Tại ngày cuối năm							

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:
- Thuyết minh chi tiết danh mục các TSCĐ thuê tài chính đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định thuê tài chính trở lên

12. Tài sản sinh học

12.1. Tài sản sinh học khác, trừ súc vật cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành

Chỉ tiêu	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần				
a) Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn				
b) Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn				
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc sản phẩm một lần				
a) Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn				
b) Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn				
3. Súc vật cho sản phẩm định kỳ chưa đạt đến giai đoạn trưởng thành				

- Miêu tả về các loại tài sản sinh học có giá trị chiếm từ 10% tổng giá trị tài sản sinh học trở lên: tính chất, đặc điểm của từng loại tài sản sinh học, chính sách kế toán áp dụng cho từng loại tài sản sinh học đó,...;
- Phương pháp phân bổ chi phí chăm sóc, nuôi trồng trong kỳ đối với các tài sản sinh học mẹ, tài sản sinh học mới tạo ra, sản phẩm nông nghiệp...;
- Phương pháp khấu hao tài sản sinh học;
- Thời gian sử dụng hữu ích/ tỷ lệ khấu hao tài sản sinh học;
- Tổng giá trị ghi sổ và giá trị khấu hao lũy kế tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ kế toán;
- Các khoản dự phòng tổn thất tài sản sinh học (nếu có);
- Giá trị tài sản sinh học dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ;
- Khoản cam kết về đầu tư hoặc mua các tài sản sinh học;

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

- Các thay đổi như thuyết minh về giá trị hợp lý trừ chi phí bán của tài sản sinh học mà doanh nghiệp có thể quan sát được và có thể đo đếm được (nếu có);
- Thuyết minh về các vấn đề khác liên quan đến tài sản sinh học.

12.2. Súc vật cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành

Khoản mục	Tổng cộng
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	
- Mua trong năm	
- Thanh lý, nhượng bán	
- Giảm khác	
- Số dư cuối năm	
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	
- Khấu hao trong năm	
- Tăng khác	
- Thanh lý, nhượng bán	
- Giảm khác	
Số dư cuối năm	
Giá trị còn lại	
- Tại ngày đầu năm	
- Tại ngày cuối năm	

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu quý	Tăng lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	Giảm lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	Số cuối quý
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tổn thất do suy giảm giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá;
- Thuyết minh chi tiết danh mục các BĐSĐT đang hiện hữu và đã thanh lý/nhượng bán trong kỳ có giá trị chiếm từ 10% tổng giá trị BĐSĐT trở lên;
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác.

14. Chi phí chờ phân bổ

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;		
- Chi phí đi vay đã trả trước;		
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).	140.697.420	140.697.420
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ		
- Chi phí mua bảo hiểm;		
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).		
Cộng	140.697.420	140.697.420

15. Tài sản khác

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
Cộng		

16. Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	Cuối quý	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý		Đầu năm
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn (thuyết minh chi tiết theo đối tượng nếu có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng số dư các khoản vay ngắn hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Bình Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

.....				
b) Vay dài hạn (thuyết minh chi tiết theo đối tượng nếu có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng số dư các khoản vay dài hạn)				
.....				
c) Các khoản vay từ các bên liên quan				
Cộng				

d) Các khoản nợ thuê tài chính (thuyết minh chi tiết theo đối tượng nếu có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng số dư các khoản nợ thuê tài chính)

Thời hạn	Quý này			Quý trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống						
- Trên 1 năm đến 5 năm						
- Trên 5 năm						
- Nợ thuê tài chính từ các bên liên quan						
Cộng						

đ) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán (thuyết minh chi tiết theo đối tượng nếu có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán)

Khoản mục	Cuối quý		Đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay:				
- Nợ thuê tài chính:				
- Lý do quá hạn chưa thanh toán				
Cộng				

e) Vay và nợ thuê tài chính từ các bên liên quan đã quá hạn nhưng chưa thanh toán

Khoản mục	Cuối quý		Đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay;				
- Nợ thuê tài chính:				
- Lý do quá hạn chưa thanh toán				
Cộng				

17. Phải trả người bán

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
a) Phải trả người bán ngắn hạn	4.288.660.624	4.288.660.624
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả	3.992.425.486	3.992.425.486
+ CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN BÌNH ĐỊNH	1.876.000.000	1.876.000.000
+ CÔNG TY TNHH NAM PHÚC ĐIỀN	1.125.653.286	1.125.653.286

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

+ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG SÀI GÒN II	990.772.200	990.772.200
- Phải trả cho các đối tượng khác		
b) Phải trả người bán dài hạn		
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả		
- Phải trả cho các đối tượng khác		
Cộng	4.288.660.624	4.288.660.624
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Chi tiết từng đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số quá hạn;		
- Các đối tượng khác		
Cộng		
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)		

18. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận		

- Thuyết minh về thời hạn trả cổ tức hoặc lợi nhuận bằng tiền, tài sản phi tiền tệ cho các cổ tức, chủ sở hữu,...;
- Các khoản cổ tức, lợi nhuận đã cam kết trả nhưng đã quá thời hạn mà doanh nghiệp chưa thanh toán cho cổ đông, chủ sở hữu...

19. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	Đầu năm	Số phải nộp lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	Số đã thực nộp lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	Cuối quý
a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Ngắn hạn				
+ Thuế giá trị gia tăng	61.248.281			61.248.281
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt				
+ Thuế xuất nhập khẩu				
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp				
+ Thuế thu nhập cá nhân	41.644.445		29.588.888	12.055.557
+ Thuế tài nguyên				
+ Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
+ Các loại thuế khác				
+ Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		43.000.000		43.000.000
- Dài hạn				
Cộng	102.892.726	43.000.000	29.588.888	116.303.838
b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Ngắn hạn				
+ Thuế giá trị gia tăng				
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt				
+ Thuế xuất nhập khẩu				
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.971.505			18.971.505

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

+ Thuế thu nhập cá nhân				
+ Thuế tài nguyên				
+ Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
+ Các loại thuế khác				
+ Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
- Dài hạn				
Cộng	18.971.505			18.971.505

Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thì phải thuyết minh về tiêu thức hoặc căn cứ ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung trong năm báo cáo cũng như số điều chỉnh nghĩa vụ thuế do có sự chênh lệch giữa năm kê khai thuế và năm ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu,…

20. Chi phí phải trả

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng nội dung chi)		
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm BĐS đã bán		
- Các khoản trích trước khác		
b) Dài hạn (chi tiết theo từng nội dung chi)		
- Lãi vay phải trả		
- Các khoản khác (chi tiết từng khoản)		
Cộng		

21. Phải trả khác

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	8.114.476	8.114.476
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế	799.668	799.668
- Bảo hiểm thất nghiệp	355.408	355.408
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	200.999	200.999
Cộng	9.470.551	9.470.551
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán (chi tiết từng khoản mục, lý do chưa thanh toán nợ quá hạn)		

22. Doanh thu chờ phân bổ

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng nội dung)		
- Doanh thu tiền lãi nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
b) Dài hạn (chi tiết theo từng nội dung)		
- Doanh thu tiền lãi nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng (chi tiết từng nội dung, lý do không có khả năng thực hiện được hợp đồng với khách hàng).		
Cộng		

23. Trái phiếu phát hành

23.1. Trái phiếu thường (chi tiết theo từng loại)

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
a) Trái phiếu phát hành		
- Loại phát hành theo mệnh giá;		
+ Thời điểm phát hành		
+ Số lượng từng loại trái phiếu phát hành		
+ Lãi suất trái phiếu phát hành		
+ Kỳ hạn gốc của trái phiếu phát hành		
- Loại phát hành có chiết khấu;		
+ Thời điểm phát hành		
+ Số lượng từng loại trái phiếu phát hành		
+ Lãi suất trái phiếu phát hành		
+ Kỳ hạn gốc của trái phiếu phát hành		
- Loại phát hành có phụ trội.		
+ Thời điểm phát hành		
+ Số lượng từng loại trái phiếu phát hành		
+ Lãi suất trái phiếu phát hành		
+ Kỳ hạn gốc của trái phiếu phát hành		
Cộng		
b) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ (theo từng loại trái phiếu)		
c) Chi phí phát hành trái phiếu		
Cộng		

Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết về thời điểm phát hành; số lượng từng loại trái phiếu phát hành; lãi suất trái phiếu phát hành; kỳ hạn gốc của trái phiếu phát hành theo từng nhóm trái phiếu phát hành theo mệnh giá, có chiết khấu hoặc có phụ trội; phương pháp phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội, chi phí phát hành trái phiếu,…

23.2. Trái phiếu chuyển đổi

Doanh nghiệp phải thuyết minh thông tin về:

a. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ:

- Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Số lượng, mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

b. Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Số lượng, mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

c. Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:
- Số lượng từng loại trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ;
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ để chuyển đổi trái phiếu;
- Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi tăng vốn chủ sở hữu.

d. Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:
- Số lượng từng loại trái phiếu đã đáo hạn không chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ;
- Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được hoàn trả cho nhà đầu tư

đ. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ:
- Kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

e) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu chuyển đổi các bên liên quan nắm giữ (nội dung thuyết minh tương tự các mục a, b, c, d, đ nêu trên)

24. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả

- Mệnh giá;
- Đối tượng được phát hành (ban lãnh đạo, cán bộ, nhân viên, đối tượng khác);
- Điều khoản bắt buộc mua lại hoặc bên phát hành phải trả cổ tức ở một mức cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của bên phát hành (Thời gian, giá mua lại, các điều khoản cơ bản khác trong hợp đồng phát hành);
- Giá trị đã mua lại trong kỳ;
- Các thuyết minh khác.

25. Dự phòng phải trả

Khoản mục	Cuối quý	Tăng lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	Giảm lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	Đầu năm
a) Ngắn hạn (Chi tiết theo từng loại dự phòng phải trả)				
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa;				
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;				
- Dự phòng tái cơ cấu;				
- Dự phòng phải trả khác (Dự phòng trợ cấp thôi việc, dự phòng phải trả về chi phí hoàn nguyên môi trường...)				
Cộng				
b) Dài hạn (Chi tiết theo từng loại dự phòng phải trả)				
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa;				
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;				

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Dự phòng tái cơ cấu;				
- Dự phòng phải trả khác (Dự phòng trợ cấp thôi việc, dự phòng phải trả về chi phí hoàn nguyên môi trường...)				
Cộng				

- Doanh nghiệp phải thuyết minh thông tin về nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới, căn cứ ước tính giá trị (nếu có),… của nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường, thu dọn, khôi phục, hoàn trả mặt bằng.
- Thuyết minh chi tiết về tổng chi phí ước tính mà doanh nghiệp phải chi ra để trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

26. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		

b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại		

27. Vốn chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	LNST chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước									
- Tăng vốn trong năm trước									
- Lãi trong năm trước									
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong năm trước									
- Lỗ trong năm trước									
- Giảm khác									
Số dư đầu năm nay	168.150.000.000								168.150.000.000
- Tăng vốn trong năm nay									
- Lãi trong năm nay									
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong năm nay									

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07:00
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

- Lỗ trong năm nay									
- Giảm khác									
Số dư cuối năm nay	168.150.000.000								168.150.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)		
- Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng		

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d- Cổ phiếu

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ), cổ phiếu mua lại của chính mình		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

đ- Cổ tức, lợi nhuận

- Cổ tức, lợi nhuận đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

+ Cổ tức, lợi nhuận đã công bố trên cổ phiếu phổ thông hoặc phần vốn điều lệ

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

+ Cổ tức bằng cổ phiếu:

+ Phần lợi nhuận được chia để bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận đầu tư:

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

- Thuyết minh về việc doanh nghiệp không được sử dụng toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã thu từ việc chào bán, phát hành cổ phiếu ra công chúng đang bị phong tỏa.

e) Lý do của tăng/giảm các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp

- Thặng dư vốn;

- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Quỹ đầu tư phát triển: 451.161.049
- Cổ phiếu mua lại của chính mình:
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhập trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam cụ thể.

-....

-....

28. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
Lí do thay đổi giữa số đầu năm và cuối năm (đánh giá lại trong trường hợp nào, tài sản nào được đánh giá lại, theo quyết định nào?...).		

29. Chênh lệch tỷ giá

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND		
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh vì các nguyên nhân khác (nói rõ nguyên nhân)		

30. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
a) Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống;		
- Trên 1 năm đến 5 năm;		
- Trên 5 năm;		

- Doanh nghiệp phải thuyết minh số lượng, chủng loại, đặc điểm, tính chất, thời hạn thuê,... của từng loại hoặc từng nhóm tài sản thuê ngoài tại thời điểm điểm cuối kỳ kế toán.

b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận gia công, nhận ủy thác xuất nhập khẩu

- Thuyết minh về giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.
- Tài sản của đơn vị khác phát hiện thừa khi kiểm kê.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng không tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Doanh nghiệp phải thuyết minh về nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế theo quy định của pháp luật liên quan.

d) Tài sản của doanh nghiệp sử dụng để cầm cố, thế chấp: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết từng loại tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp; từng kỳ hạn và đối tượng nhận cầm cố, thế chấp,...

đ) Ngoại tệ các loại: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ.

Vàng tiền tệ: Doanh nghiệp phải trình bày khối lượng theo đơn vị tính trong nước

Kim khí quý, đá quý: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết giá gốc, số lượng và chủng loại các loại kim khí quý, đá quý.

e) Nợ khó đòi đã xử lý: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết giá trị (theo nguyên tệ và VND) các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý theo từng đối tượng, nguyên nhân đã xoá sổ kế toán nợ khó đòi

g) Lãi trả chậm, trả góp khi mua tài sản: Doanh nghiệp phải thuyết minh số kỳ trả chậm, trả góp; tổng số lãi phải trả; số lãi đã trả; lãi còn phải trả khi mua trả chậm, trả góp tài sản

h) Lãi trả chậm, trả góp khi bán tài sản: Doanh nghiệp phải thuyết minh số kỳ trả chậm, trả góp; tổng số lãi phải thu; số lãi đã thu; lãi còn phải thu khi bán trả chậm, trả góp tài sản.

i) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Báo cáo tài chính để cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason:
OID.1.2.840.113549.1.9.16.2.47: 1801290333556
MST:2801333556
I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

31. Phân giá trị các tài sản mà doanh nghiệp đang nắm giữ của các bên khác nhưng bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả mà doanh nghiệp có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật (ví dụ các tài sản theo hợp đồng BCC, các khoản tiền bị phong tỏa khi công ty đại chúng phát hành/chào bán cổ phiếu huy động vốn từ các cổ đông,...)

Khoản mục (Tùy thuộc vào nội dung khoản mục để thuyết minh cho phù hợp với thực tế của doanh nghiệp)	Cuối quý	Đầu năm
Tài sản		
- Tiền và tương đương tiền		
- Nợ phải thu		
- Hàng tồn kho		
- TSCĐ		
- BĐSDT		
- Các tài sản khác		
Cộng		
- Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:		
- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp:		
Nợ phải trả		
- Phải trả cho người bán		
- Nợ phải trả khác		
- Các khoản phải trả khác		
Cộng		

32. Các thông tin khác doanh nghiệp thấy cần thuyết minh, giải trình thêm để cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng

- Thuyết minh thông tin về căn cứ xác định giá trị tài sản phi tiền tệ được tài trợ, biếu tặng;
- Các thông tin khác

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa (trừ doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư)		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (trừ dịch vụ xây dựng)		
- Doanh thu dịch vụ xây dựng		
+ Doanh thu của dịch vụ xây dựng được ghi nhận trong kỳ;		
+ Tổng doanh thu lũy kế của dịch vụ xây dựng được ghi nhận đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán;		
- Doanh thu trợ cấp, trợ giá		
- Doanh thu khác		
Cộng		
b) Doanh thu từ các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).		

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

c) Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh doanh thu từ giao dịch bán căn hộ du lịch, căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú hoặc sản phẩm tương tự thì phải thuyết minh trên Báo cáo tài chính về chính sách kế toán, bản chất của hợp đồng (quyền và nghĩa vụ của các bên) và cách thức ghi nhận kế toán mà doanh nghiệp đánh giá là phù hợp nhất.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Khoản chiết khấu thương mại		
- Khoản giảm giá hàng bán		
- Khoản doanh thu hàng bán bị trả lại		
Cộng		

3. Giá vốn hàng bán

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán (trừ giá trị còn lại và chi phí bán, thanh lý bất động sản đầu tư)		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (bao gồm cả dịch vụ xây dựng)		
- Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ		
- Giá trị từng loại hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức trong kỳ		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng giảm giá tài sản sinh học		
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán		
Cộng		

4. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐSĐT

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Doanh thu bán, thanh lý BĐSĐT		
- Giá trị còn lại của BĐSĐT		
- Chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT		
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐSĐT		

5. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		
- Lãi do bán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá		
- Lãi bán hàng trả chậm, trả góp		
- Chiết khấu thanh toán được hưởng		

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-09 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

- Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.092	
Cộng	25.092	

6. Chi phí tài chính

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Chi phí đi vay		
- Lỗ do bán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		
- Lãi mua hàng trả chậm, trả góp		
- Chiết khấu thanh toán phải trả		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác		
- Chi phí phát hành trái phiếu, cổ phiếu không thành công		
- Chi phí tài chính khác		
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.		
Cộng		

7. Thu nhập khác

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Lãi do đánh giá lại tài sản khi đi góp vốn		
- Tiền phạt thu được		
- Thuế được giảm		
- Các khoản được hỗ trợ, tài trợ, biếu, tặng được ghi nhận vào thu nhập khác		
- Các khoản khác.		
Cộng		

8. Chi phí khác

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Lỗ do đánh giá lại tài sản khi đi góp vốn;		
- Các khoản bị phạt		
- Các khoản chi phí khác.	43.000.000	
Cộng	43.000.000	

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	20.250.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Chi tiết các khoản mục chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN;		
- Các khoản chi phí QLDN khác.	20.250.000	
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi tiết các khoản mục chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng;		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.		
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng;		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác;		
- Các khoản ghi giảm khác.		

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa		
- Chi phí nhân công		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí khác bằng tiền	20.250.000	
Cộng	20.250.000	

Ghi chú:

Đối với thuyết minh Chỉ tiêu "Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố", tuỳ theo đặc điểm, ngành nghề sản xuất kinh doanh và căn cứ vào số dư đầu kỳ và số phát sinh trong kỳ của các tài khoản kế toán có liên quan để doanh nghiệp thuyết minh chi tiết về các khoản chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố được phản ánh trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Trường hợp do tính chất ngành nghề kinh doanh mà doanh nghiệp không thể trình bày các yếu tố thông tin trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chức năng của chi phí thì được trình bày theo tính chất của chi phí.

Khi trình bày thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thì phải đảm bảo tổng của chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố phải bằng tổng chi phí được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp có quyền lựa chọn căn cứ khác nhưng phải đảm bảo thuyết minh đầy đủ chi phí theo yếu tố.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Lợi nhuận kế toán trước thuế		
- Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành		
Điều chỉnh (tùy theo đặc điểm của doanh nghiệp để thuyết minh các mục điều chỉnh cho phù hợp):		
- Thu nhập không chịu thuế		
- Chi phí không được khấu trừ		
- Dự phòng thiếu/(thừa) của các năm trước		
....		
Chi phí thuế TNDN		
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (**)		
Chi phí thuế TNDN (*)		

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế

(**) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Thuyết minh chi tiết về giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện

2. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Khoản mục	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (Năm trước)
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		
- Các giao dịch phi tiền tệ khác		

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường;
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường;
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi;
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác

5. Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý công ty con trong kỳ;
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý công ty con được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2801830759
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.06 09:06:17+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) không phải là tiền và các khoản tương đương tiền và nợ phải trả trong công ty con được mua hoặc thanh lý trong kỳ.

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3. Thông tin về các bên liên quan (Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên):

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận"

(1):…

(2):…

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về việc đáp ứng giả định hoạt động liên tục áp dụng đối với trường hợp Ban giám đốc xác định có tồn tại các sự kiện hoặc điều kiện có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Khi đó, thuyết minh báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải:
- Mô tả đầy đủ các sự kiện hoặc điều kiện chính làm phát sinh nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp và các kế hoạch của Ban Giám đốc để giải quyết các sự kiện hoặc điều kiện này;
- Nêu rõ những yếu tố không chắc chắn mà Ban Giám đốc doanh nghiệp biết được liên quan đến các sự kiện hoặc các điều kiện có thể gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp;
- Kết luận của Ban Giám đốc về việc có hay không có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến việc hoạt động

7. Thuyết minh về các giả định và ước tính quan trọng, nội dung bao gồm:
a) Bản chất của các giả định hoặc sự không chắc chắn của ước tính;
b) Các lý do và số tiền có thể bị ảnh hưởng bởi các giả định hoặc sự không chắc chắn của ước tính;
c) Đánh giá về khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau;
d) Các biện pháp/giải pháp dự kiến của Ban Giám đốc thực hiện để hạn chế sự ảnh hưởng đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính nếu sự không chắc chắn có thể xảy ra trong năm tài chính tiếp theo.

8. Các biện pháp/giải pháp khác:

IX. Những nội dung sửa đổi, bổ sung biểu mẫu, tên và nội dung các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính so với biểu mẫu Báo cáo tài chính được Bộ Tài chính quy định (nếu có)

- Tên các chỉ tiêu có sửa đổi, bổ sung thay đổi theo quy định:
- Nội dung các chỉ tiêu có sửa đổi, bổ sung thay đổi theo quy định:
- Lý do thay đổi:

Phê duyệt, ngày 22 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
NGÔ AN QUỐC	Ngô An Quốc	Nguyễn Đức Chi

M.S.D.N: 2801830759 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
OID.0.9.2342.19200300.100.1.11=MST:2801330959
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-15 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Tầng 8, Tòa nhà số 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Form no: B09-DN

(Issued according to Circular No.99/2025/TT-BTC Dated 27/10/2025 of the Ministry of Finance)

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

Accounting period quarter 1 year 2026

I. Operating charateristic

V. Additional information

1.Structure of ownership: Công ty Cổ phần Spiral Galaxy (sau đây gọi là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801330959, được cấp lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09 tháng 10 năm 2023 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15, vốn điều lệ của Công ty là 168.150.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 8, Tòa nhà số 34A đường Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Spiral Galaxy Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") is a joint stock company operating under the initial Business Registration Certificate No. 2801330959 dated April 13, 2009, amended for the 15th time on October 9, 2023, issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. According to the 15th amended Business Registration Certificate, the charter capital of the Company is VND 168,150,000,000. The Company's head office is located at: 8th Floor, Building No. 34A Pham Ngoc Thach Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

2. Business segment:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

3. The industry: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao - chi tiết: sản xuất vôi; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét - chi tiết: sản xuất gạch; Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt - chi tiết: khai thác và chế biến các loại khoáng sản (trừ quặng uranium, quặng thorium, quặng sắt, crom và khoáng sản Nhà nước cấm); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác - chi tiết: dịch vụ khoan nô min;
Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ - chi tiết: sản xuất phân lân hữu cơ sinh học; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - chi tiết:
bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than non;
Trồng rừng và chăm sóc rừng; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng nhà các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xây dựng công trình các loại; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, đại lý du lịch; Hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; Bán buôn đô dùng gia đình; Bán buôn vật liêu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Hoạt động thiết kế chuyên dụng- chi tiêt Hoạt động trang tri nội ngoại thất.
Mining of stone, sand, gravel, and clay; Installation of electrical systems; Maintenance and repair of automobiles and other motor vehicles; Manufacture of cement, lime, and plaster – specifically: lime production; Cutting, shaping, and finishing of stone; Manufacture of construction materials from clay – specifically: brick production; Site preparation; Mining of non-ferrous metal ores – specifically: mining and processing of minerals (excluding uranium ore, thorium ore, iron ore, chromium ore, and minerals prohibited by the State); Construction of railways and roads; Mining and collection of hard coal; Support activities for mining and quarrying – specifically: drilling and blasting services;

Manufacture of fertilizers and nitrogen compounds – specifically: production of organic phosphate fertilizers; Construction of other civil engineering projects – specifically: construction of irrigation works; Sale of motor vehicle parts and accessories; Retail sale of other new goods in specialized stores – specifically: retail sale of automobiles and other motor vehicles; Road freight transport; Mining and collection of lignite;

Forestry and forest care activities; Inland waterway freight transport; Wholesale of automobiles and other motor vehicles; Construction of residential and non-residential buildings; Agency, brokerage, and auction activities; Installation of water supply, drainage, heating, and air-conditioning systems; Construction of various types of engineering works; Real estate business; Accommodation, food and beverage services, and travel agency services; Sports and recreational activities; Wholesale of household goods; Wholesale of construction materials and installation equipment; Specialized design activities – specifically: interior and exterior decoration design services.

4. The production business cycle: 12 tháng
12 months

5. Significant impact to operations in the reporting year:

6. Structure of enterprises:

- List of subsidiary companies: Công ty TNHH MTV Môi trường Quốc Bảo; Công ty cổ phần Luux Interior Quoc Bao Environment One Member Limited Liability Company; Luux Interior Joint Stock Company
- List of associated companies and joint ventures:

- List of subordinate units of dependent cost-accounting:

7. Number of employees at the end of the fiscal year or average number of employees during the fiscal year

8. Statement on the comparability of information in the Financial Statements: In cases where the Financial Statements are not comparable, the enterprise must clearly explain and justify the reasons for the non-comparability between the information of the reporting period and the comparative period information in the Notes to the Financial Statements

9. Disclose other information in the Financial Statements in accordance with relevant legal regulations such as enterprise law, securities law, etc.

II. Accounting period, Accounting currency applied

1- Accounting period Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
From January 1 to December 31

2. Accounting currency unit. In case of changes in the accounting currency unit compared to the previous year, clearly explain the reasons and impacts of the change VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

III. Accounting Standard and Policy applied

1- Accounting policy applied: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính
The Company adopts the accounting regime for enterprises promulgated under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025, of the Minister of Finance

2. Statement of compliance with Vietnamese accounting standards: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành
The Company has adopted the Vietnamese Accounting Standards and the guidance documents issued by the State for the implementation of such standards. The financial statements have been prepared and presented in full compliance with all requirements of the relevant accounting standards, implementing circulars, and the prevailing accounting regime

IV. Accounting policies, accounting estimates and applicable relevant legal regulations

1. Principle of converting financial statements prepared in foreign currencies into Vietnam Dong:

2. Types of foreign exchange rate: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
Transactions arising in foreign currencies are translated at the exchange rates prevailing on the transaction dates. Monetary items denominated in foreign currencies outstanding at the end of the accounting period are translated at the exchange rates prevailing on such date. Exchange differences arising from the translation are recognized in the Statement of Profit or Loss.
- Exchange rate selected for accounting exchange rate differences arising during the period and exchange rate for revaluation of monetary items denominated in foreign currencies;
- Cross exchange rate for cases where the bank does not publish the transaction exchange rate of the foreign currency;
- The gold purchase price announced by the State Bank or the reference purchase price of entities legally authorized to trade gold, to be used when revaluating monetary gold at the end of the accounting period.
3. The principles for determining the actual interest rate (also called the effective interest rate) used to discount cash flows:
4. Principle of cash and cash equivalents: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits, and short-term investments that are highly liquid, readily convertible into known amounts of cash, and subject to an insignificant risk of changes in value
5. Principle of financial investment:

a) Trading securities:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

b) Investments held to maturity: Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.
Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has both the intention and the ability to hold until maturity. Held-to-maturity investments include term deposits with banks (including treasury bills and promissory notes), bonds, preferred shares that the issuer is required to redeem at a specified date in the future, loans held to maturity for the purpose of earning periodic interest, and other held-to-maturity investments.

Held-to-maturity investments are recognized from the acquisition date and are initially measured at cost, including the purchase price and transaction costs directly attributable to the acquisition. Interest income earned from held-to-maturity investments after the acquisition date is recognized in the Statement of Profit or Loss on an accrual basis. Interest accrued before the Company obtains ownership of the investment is deducted from the original cost at the acquisition date.

Held-to-maturity investments are subsequently measured at cost less any allowance for doubtful debts.

Allowances for doubtful debts relating to held-to-maturity investments are recognized in accordance with the prevailing accounting regulations

c) Investments of subsidiary, joint-venture companies:

d) Investments tools capital of other parties:

đ) Accounting methods for other transactions relating to financial investments:

6. Accounting principles for receivables
The enterprise must disclose accounting policies related to receivables and the significant estimation basis used in the policy for provision for doubtful debts Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Receivables represent amounts recoverable from customers and other parties. Receivables are presented at their carrying amounts less allowances for doubtful debts.

Allowances for doubtful debts are made for receivables that are overdue for six months or more, or for receivables from debtors who are unlikely to fulfill their payment obligations due to liquidation, bankruptcy, or similar financial difficulties.

7. Principle of inventory recognition:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Principle of inventory recognition: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại [đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho]. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value. The cost of inventories includes direct material costs, direct labor costs, and production overheads, if any, incurred in bringing the inventories to their present location and condition. For trading enterprises, the cost of inventories includes purchase costs and other costs directly attributable to the acquisition of inventories.

The cost of inventories is determined using the weighted average method (or the first-in, first-out method, specific identification method, or retail method in the case of merchandise inventories).

Net realizable value is determined as the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale, including marketing, selling, and distribution expenses.

- Method of canculating the value of inventory: Bình quân cuối kỳ

Weighted average cost method at the end of the accounting period

- Method of accounting inventory:

- Setting up of the inventory price decrease reserve method: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán

The Company's allowance for inventory write-down is recognized in accordance with the prevailing accounting regulations. Accordingly, the Company is permitted to make provisions for obsolete, damaged, or deteriorated inventories, as well as in cases where the cost of inventories exceeds their net realizable value as of the end of the accounting period.

- Criteria for allocation of raw materials and supplies;

- Accounting policies related to inventory for high-risk contracts

8. Accounting principles and depreciation of tangible fixed assets (including perennial plants for periodic products, working animals), intangible fixed assets, finance lease fixed assets, and investment property:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Property, plant and equipment are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of property, plant and equipment comprises the purchase price and all other costs directly attributable to bringing the assets to a condition ready for their intended use.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.
Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp - Chi phí nghiên cứu và phát triển
Chi phí cho hoạt động nghiên cứu được ghi nhận là chi phí của năm tài chính (kỳ hoạt động) thực tế phát sinh chi phí đó.
Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp phát sinh từ giai đoạn phát triển chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
• Tài sản được tạo ra có thể xác định được (ví dụ như phần mềm máy vi tính và các quy trình sản xuất mới);
• Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó
• Chi phí phát triển tài sản có thể xác định được một cách tin cậy.
Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không thể ghi nhận được tài sản vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp, chi phí nghiên cứu phát triển được hạch toán vào khoản lãi hoặc lỗ trong năm tài chính (kỳ hoạt động) phát sinh chi phí đó.
Bằng sáng chế và thương hiệu: Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Land use rights: Intangible assets representing land use rights are stated at cost less accumulated amortization. Land use rights are amortized using the straight-line method over the period of land use.

Internally generated intangible assets – Research and development costs

Research costs are recognized as expenses in the financial year (or operating period) in which they are incurred.

Internally generated intangible assets arising from the development phase are recognized only when all of the following conditions are satisfied:

The asset created is identifiable (for example, computer software and new production processes);
It is probable that the asset will generate future economic benefits; and
The costs attributable to the development of the asset can be measured reliably.

Internally generated intangible assets are amortized using the straight-line method over their estimated useful lives. Where an internally generated intangible asset cannot be recognized, research and development costs are recognized in profit or loss in the financial year (or operating period) in which such costs are incurred.

Patents and trademarks: Patents and trademarks are initially recognized at cost and amortized using the straight-line method over their estimated useful lives.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.
Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng X năm.
Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Investment properties comprise land use rights, factories, and buildings held by the Company for the purpose of earning rental income or for capital appreciation. Investment properties held for lease are stated at cost less accumulated depreciation, while investment properties held for capital appreciation are stated at cost less impairment losses.

The cost of purchased investment properties includes the purchase price and directly attributable costs, such as legal advisory fees, registration fees, and other related transaction costs. The cost of self-constructed investment properties comprises the final construction settlement value or other costs directly attributable to the investment properties.

Investment properties held for lease are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives of X years.

The Company does not depreciate investment properties held for capital appreciation purposes.

9. Accounting principles for biological assets

- Livestock raised for periodic products

- Livestock raised for one-time products

- Seasonal crops or crops for one-time products

10. Accounting principles for Business Cooperation Contract:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

11. Accounting Principles for Deferred Costs: Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí chờ phân bổ khác [Cho mục đích minh họa, sửa phù hợp với từng doanh nghiệp].
Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. (Nếu Công ty có Chứng nhận quyền sử dụng đất, có thể hạch toán khoản này là tài sản cố định vô hình).
Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.
Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

Prepaid expenses comprise actual expenses incurred that relate to the operating results of multiple accounting periods. Prepaid expenses include prepaid land rental, establishment costs, and other prepaid expenses [for illustrative purposes only and subject to amendment to suit the Company's circumstances].

Prepaid land rental represents land lease payments made in advance. Such prepaid land rental is amortized to the Statement of Profit or Loss on a straight-line basis over the lease term. (If the Company holds a Land Use Rights Certificate, this amount may be recognized as an intangible asset.)

Establishment costs comprise expenses incurred during the incorporation process prior to the issuance of the Investment Registration Certificate and are assessed as being capable of generating future economic benefits for the Company. These costs are amortized to the Statement of Profit or Loss on a straight-line basis over a period of three years from the date the Company officially commences operations.

Other prepaid expenses include the value of tools, equipment, and small spare parts that have been put into use, as well as advertising and training expenses incurred before the Company officially commences operations and are considered capable of generating future economic benefits for the Company. These costs are capitalized as prepaid expenses and amortized to the Statement of Profit or Loss on a straight-line basis in accordance with the prevailing accounting regulations.

12. Accounting principles for accounts payable to suppliers:

13. Accounting principles for dividends and profits payable:

14. Principle of recognition of accrued expenses:

15. Principles for recognizing deferred revenue:

16. Accounting principles for provisions: Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Provisions are recognized when the Company has a present obligation arising from a past event and it is probable that an outflow of economic resources will be required to settle such obligation. Provisions are measured based on the Management's best estimate of the expenditures required to settle the obligation as of the end of the reporting period.

17. Principle of deferred corporate income tax:

18. Principles for recognizing borrowings and finance lease obligations:

19. Principles Recognized and capitalized borrowing costs:

20. Principle of recording convertible bonds:

21. Principle of capital recognition:

- Principle of recognition of paid-in capital by owners, equity surplus and other capital of owners:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Principle of recognition of re-assesment asset defference:

- Principle of recognition of exchange rate difference:

- Principle of recognition of Undistributed profit:

22. Principles and methods for recognizing revenue and other income:

- Revenue from sales of goods and provision of services

+ Sales: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Revenue from the sale of goods is recognized when all of the following five (5) conditions are satisfied:

(a) The Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards associated with ownership of the products or goods;

(b) The Company no longer retains managerial involvement to the degree usually associated with ownership, nor effective control over the goods sold;

(c) The amount of revenue can be measured reliably;

(d) It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and

(e) The costs incurred or to be incurred in respect of the sales transaction can be measured reliably.

+ Services sale: Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Revenue from the rendering of services is recognized when the outcome of the transaction can be measured reliably. Where a service transaction relates to more than one accounting period, revenue is recognized in each period based on the stage of completion of the transaction at the balance sheet date of that period. The outcome of a service transaction can be measured reliably when all of the following four (4) conditions are satisfied:

(a) The amount of revenue can be measured reliably;

(b) It is probable that the economic benefits associated with the service transaction will flow to the Company;

(c) The stage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and

(d) The costs incurred for the transaction and the costs to complete the service transaction can be measured reliably.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

+ Revenue from Construction contracts: Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Revenue from construction contracts is recognized in accordance with the Company's accounting policies for construction contracts.

Where the outcome of a construction contract can be estimated reliably, contract revenue and contract costs are recognized by reference to the stage of completion of the contract at the end of the accounting period. The stage of completion is determined based on the percentage of costs incurred for work performed up to the end of the accounting period compared with the total estimated contract costs, except where such costs are not representative of the actual work completed. Such costs may include additional costs, claims, and incentive payments as agreed with the customer.

Where the outcome of a construction contract cannot be estimated reliably, revenue is recognized only to the extent of contract costs incurred that are probable of recovery.

+ Revenue from sale of real estate such as resort apartments, serviced offices or similar products.

+ Revenue from sale of investment property.

- Financial activities income: Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

Interest income from bank deposits is recognized on an accrual basis and is determined based on the outstanding balances of deposit accounts and the applicable interest rates (if any and if such interest income is considered material).
Income from investments is recognized when the Company becomes entitled to receive such income (if any and if such investment income is considered material).

- Other income

23. Accounting principles of revenue deductions:

24. Accounting Principles for the cost price of goods sold:

25. Accounting Principle for financial expenses:

26. Accounting Principle for selling expense and enterprise administrative expense:

27. Accounting principles for sale and disposal of fixed assets and investment property:

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

28. Principles and methods for recognizing current corporate income tax expense (including supplementary corporate income tax expense under global minimum tax regulations), deferred corporate income tax expense: - Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.
- Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.
- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.
- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Corporate income tax comprises the aggregate amount of current tax and deferred tax.
Current tax is calculated based on taxable income for the year. Taxable income differs from profit before tax as reported in the Statement of Profit or Loss because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods (including tax losses carried forward, if any) and items that are never taxable or deductible.
Deferred tax is recognized on temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and their corresponding tax bases, using the balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences, while deferred tax assets are recognized only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the deductible temporary differences can be utilized.
Deferred tax is measured using the tax rates expected to apply in the period in which the asset is realized or the liability is settled. Deferred tax is recognized in the Statement of Profit or Loss, except when it relates to items recognized directly in equity, in which case the related tax is also recognized directly in equity.
Deferred tax assets and deferred tax liabilities are offset when the Company has a legally enforceable right to offset current tax assets against current tax liabilities and when the deferred tax assets and deferred tax liabilities relate to corporate income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.
The determination of the Company's corporate income tax is based on the prevailing tax regulations. However, these regulations are subject to change from time to time, and the final determination of corporate income tax liabilities is subject to examination by the competent tax authorities.

29. The principles and other accounting methods:

VI. Additonal information for the items presented in the income statement

2. Deductions

3. Cost of goods sold

Item	Ending of period	Beginning of period
- Cost of goods sold (excluding residual value and costs of sale and disposal of investment property)		
- Cost of services rendered (including construction services)		
- Value of inventory losses during the period		

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Value of each type of inventory loss exceeding allowable limits during the period		
- Costs exceeding normal levels charged directly to cost of goods sold		
- Provision for inventory obsolescence, provision for biological asset impairment		
- Write-downs of cost of goods sold		

4. Gain/loss from sale and disposal of investment property

Item	Ending of period		Beginning of period	
	Amount	Provision	Amount	Provision
- Revenue from sale and disposal of investment property				
- Residual value of investment property				
- Costs of sale and disposal of investment property				
SubTotal				

5. Financial activities income

Item	Ending of period		Beginning of period	
	Quantity	Amount	Quantity	Amount
- Deposit interest, loan interest				
- Gain from sale and disposal of financial investments				
- Dividends and profit distributions in cash or non-monetary assets				
- interest of differences rates				
- Interest on deferred payment and installment sales				
- Cash discount				
- Other Financial activities income				

6. Financial activities expenses

Item	Ending of period			Beginning of period		
	Cost	Recovering value	debt payer	Cost	Recovering value	debt payer
- Borrowing Costs						
- Loss on sale, liquidation of Financial investments						
- Loss on differences rates						
- Interest of Deferred payment Sales						
- Cash discount						
- Provision For long-term and short-term Investment Devaluation						
- Costs of Unsuccessful Bond and Share Issuances						
- Other Financial expenses						
- Decreases in financial expenses						
SubTotal						

7. Other income

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
OID.0.9.2342.19200300.100.1.11=MST:2802328998
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-01-15 09:06:17 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Item	Ending of period		Beginning of period	
	Cost	Provision	Cost	Provision
- Gains from revaluation of assets				
- Collected fines				
- Deductible taxes				
- Subsidies, sponsorships, gifts, and donations recognized as other income				
- Other items.				
SubTotal				

8. Other expenses

9. Selling expenses and general administration expenses

Item	Houses and architectural objects	Machines, equipment	Transport	Device manage	Long term trees, working & killed animals	Infrastructure invested and constructed by the Government...	Other tangible fixed assets	Total
a) General administration expenses incurred during the fiscal year								
- Expenses accounting for at least 10% of total general administration expenses in details;								
- Other general administration expenses								
b) Selling expenses incurred during the fiscal year								
- Expenses accounting for at least 10% of total selling expenses in details								
- Other general administration expenses.								
c) Decreases in selling expenses and general administration expenses								
- Reversion of allowances for good warranty								
- Reversion of allowances for enterprise reorganizing, other allowances								
- Other decreases.								

10. Business costs as factors

Item	Right of land use	Public right	Copyright, patent	trademark	SoftWare	Licenses and right concession permits	Collect fees provision work assignment agreement	Invisible Fixed asset	Total
- Cost of Raw Materials and Goods									
- Labor Cost									

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Fixed asset depreciation									
- Outside purchasing Services Cost									
- Other Cost of Cash									

Note:

For the explanation of the indicator 'Production and business costs by elements', depending on the characteristics and business lines, and based on the opening balance and transactions incurred during the period of related accounting accounts, the enterprise should provide detailed explanations of production and business costs by elements reflected in the Income Statement.

In cases where, due to the nature of the business industry, an enterprise cannot present information elements on the Income Statement according to the functional classification of expenses, it may present them according to the nature of expenses. When presenting explanations of production and business costs by elements, it must be ensured that the total of production and business costs by elements equals the total expenses recorded in the Income Statement.

Enterprises have the right to choose other bases, but must ensure comprehensive disclosure of expenses by elements.

11. Current income tax expense

Item	Houses and architectural objects	Machines, equipment	Transport	Device manage	Other tangible fixed assets	Invisible fixed asset	Total
- Accounting profit before tax							
- Cost of business income tax caculated on taxable income in current year							
Adjustments (depending on the characteristics of the enterprise to disclose appropriate adjustment items):							
- Non-taxable income							
- Non-deductible expenses							
- Under/(over) provision from previous years							
....							
Corporate income tax expense							
Current corporate income tax expense							
Deferred corporate income tax expense (**)							
Corporate income tax expense (*)							

(*) Corporate income tax expense for the fiscal year is estimated based on taxable income and may be subject to adjustments depending on tax authority audits

Item	Opening Balance	Decrease in period	Increase in period	Closing Balance
- Differed income tax expense arising from taxable temporary differences				
- Differed income tax expense arising from the reversal of Deferred income tax assets				
- Differed income tax expense arising from the deductible temporary differences item				

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY

- Differed income tax expense arising from the unused tax losses and credits item				
- Differed income tax expense arising from the reversal of Deferred income tax liabilitie				
- Total Differed income tax expense				

VII. Additonal information for the items presented in the cash flow statement

1. Cash held by the enterprise but not available for use

2. Non-cash Transactions Affecting Future Cash Flow Statements

Item	This period	Last period
3. Proceeds from borrowings during the fiscal year		
- Proceeds from ordinary contracts;		
- Proceeds from issuance of common bonds;		
- Proceeds from issuance of convertible bonds;		
- Proceeds from issuance of preference shares classified as liabilities		
- Proceeds from government bond repo and security repo		
- Proceeds from borrowings under other from		
4. Actual repayments on principal during the fiscal year:		
- Repayment on principal from ordinary contracts;		
- Repayment on principal of common bonds;		
- Repayment on principal of convertible bonds;		
- Repayment on principal of preference shares classified as liabilities;		
- Repayment on government bond repo and security repo		
- Repayments on borrowings under other from.		
5. Acquisition and disposal of subsidiaries during the reporting period		
- Total value of acquisition or disposal of subsidiaries during the period;		
- Portion of the acquisition or disposal value of subsidiaries paid in cash and cash equivalents;		
- Cash and cash equivalents actually held in the acquired or disposed subsidiary or other business unit;		
- Value of assets (aggregated by asset type) other than cash and cash equivalents, and liabilities in the subsidiary acquired or disposed of during the period.		
SubTotal		

VIII. Other informations (Additional)

IX. Modifications and additions to forms, names and contents of Financial Statement items compared to the Financial Statement forms prescribed by the Ministry of Finance (if any)

- Names of items that have been modified, supplemented or changed according to regulations:
- Contents of items that have been modified, supplemented or changed according to regulations:
- Reasons for changes:

Item	Ending of period	Beginning of period
- Cost of goods sold (excluding residual value and costs of sale and disposal of investment property)		
- Cost of services rendered (including construction services)		
- Value of inventory losses during the period		
- Value of each type of inventory loss exceeding allowable limits during the period		

CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2801330959
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-06 09:06:17+07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

- Costs exceeding normal levels charged directly to cost of goods sold		
- Provision for inventory obsolescence, provision for biological asset impairment		
- Write-downs of cost of goods sold		

Approved , April 22, 2026

Prepared by	Chief Accountant	Egal representative
(Sign, full name)	*(Sign, full name)*	*(Signature, seal)*
NGÔ AN QUỐC	Ngô An Quốc	Nguyễn Đức Chí

M.S.D.N: 2801330959 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRAL GALAXY
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Accounting certificate number:

Accounting agent: